

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2021

THÔNG BÁO**V/v: Hoàn trả học phí chương trình tiếng Anh liên kết Language Link****năm học 2020-2021**

Ban giám hiệu Trường Tiểu học Ái Mộ A

Quý Cha mẹ học sinh (CMHS)

Căn cứ Công văn số 1142/SGDDĐT-CTTT ngày 03 tháng 05 năm 2021 về việc thông báo cho học sinh tạm dừng đến trường nhằm đảm bảo công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 kể từ ngày 4/5/2021 cho đến khi có thông báo mới của Thành phố;

Căn cứ vào hợp đồng đào tạo số 2020/LLV/LB-AMA ký ngày 11 tháng 09 năm 2020 giữa trường TH Ái Mộ A và Công ty Language Link Việt Nam;

Căn cứ vào xác nhận tiết dạy các tháng: 9,10,11,12 năm 2020 và tháng 1,3 và 4 năm 2021;

Căn cứ vào công văn số 040521/AMA-LLV ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc Thanh quyết toán học phí học kỳ II năm học 2020-2021;

Công ty Language Link thông báo việc hoàn trả lại học phí các tiết học chưa được thực hiện trong năm học 2020-2021 của các lớp tiếng Anh liên kết như sau:

Nhóm lớp	Số tiết cam kết trong hợp đồng	Số tiết đã thực hiện	Số tiết chưa thực hiện
4A1	65 tiết/năm học	54	11
4A2		55	10
4C1		54	11
4C2		55	10
4D1		53	12
4D2		55	10
5AC1		53	12
5AC2		54	11
5D1		53	12
5D2		54	11

Công ty thông báo tới Nhà trường và quý CMHS được biết để triển khai thực hiện việc hoàn trả lại học phí.

Trân trọng cảm ơn!

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT TRƯỜNG HỌC**

(đã ký)

TRẦN THỊ HUYỀN

DANH SÁCH TRẢ LẠI HỌC PHÍ HỌC KỲ II - LỚP 4A - NĂM HỌC 2020-2021

STT	Họ và tên	Nhóm lớp	Số tiền phải trả	Ghi chú
1	Đoàn Gia An	4A1	1,015,385	
2	Nguyễn Bảo Châm	4A1	1,015,385	
3	Trần Phương Chi	4A1	1,015,385	
4	Vũ Đức Cường	4A1	1,015,385	
5	Vũ Thành Đạt	4A1	1,015,385	
6	Nguyễn Mạnh Hải	4A1	1,015,385	
7	Ngô Mạnh Hải	4A1	1,015,385	
8	Đoàn Ngọc Hương	4A1	1,015,385	
9	Vũ Gia Huy	4A1	1,015,385	
10	Vũ Thị Ngọc Linh	4A1	1,015,385	
11	Huỳnh Gia Linh	4A1	1,015,385	
12	Đặng Tuệ Minh	4A1	1,015,385	
13	Nguyễn Thị Ngọc Minh	4A1	1,015,385	
14	Lê Yến Nhi	4A1	1,015,385	
15	Cao Nguyễn Trường Phúc	4A1	1,015,385	
16	Chu Thế Minh Quân	4A1	1,015,385	
17	Trần Nhã Thanh	4A1	1,015,385	
18	Hà Anh Tú	4A1	1,015,385	
19	Lê Cẩm Tú	4A1	1,015,385	
20	Phạm Bảo Yến	4A1	1,015,385	
21	Lê Nguyễn An Phong	4A1	1,015,385	
22	Lê Anh Đức	4A1	1,015,385	
23	Nguyễn Phạm Gia Linh	4A1	1,015,385	
24	Dương Tuấn Anh	4A2	923,077	
25	Đặng Hồng Anh	4A2	923,077	
26	Nguyễn Duy Anh	4A2	923,077	
27	Ngô Minh Đăng	4A2	923,077	
28	Phạm Quang Duy	4A2		Nhà trường thất thu tính học phí phải đóng: 2.076.923đ
29	Lê Chấn Hưng	4A2	923,077	
30	Bùi Tuấn Hưng	4A2	923,077	
31	Nguyễn Nhật Khánh	4A2	923,077	
32	Nguyễn Minh Khánh	4A2	923,077	
33	Mai Thu Linh	4A2	923,077	
34	Nguyễn Đặng Gia Linh	4A2	923,077	
35	Nguyễn Thành Long	4A2	923,077	
36	Đỗ Gia Minh	4A2	923,077	
37	Lê Nguyễn Bảo Minh	4A2	923,077	Nhà trường trả lại
38	Đào Minh Phúc	4A2	923,077	
39	Đặng Hồng Quyết	4A2	923,077	
40	Trần Thái Sơn	4A2	923,077	
41	Ngô Phương Uyên	4A2	923,077	
42	Nguyễn Thế Minh Vũ	4A2	923,077	
43	Nguyễn Thế Hà Vy	4A2	923,077	
44	Nguyễn Đức Trung	4A2	923,077	
	TỔNG CỘNG		41,815,385	

Lưu ý: Số tiền hoàn trả = Số tiền chưa thực hiện x 6.000.000đ/65 tiết

DANH SÁCH TRẢ LẠI HỌC PHÍ HỌC KỲ II - LỚP 4C - NĂM HỌC 2020-2021

Họ và tên	Nhóm lớp	Số tiền	Ghi chú
1 Nguyễn Minh Châu	4C1	1,015,385	
2 Đào Thu Hà	4C1	1,015,385	
3 Chu Thị Hằng	4C1	1,015,385	
4 Nguyễn Đức Hiếu	4C1	1,015,385	
5 Nguyễn Minh Hoàng	4C1	1,015,385	
6 Nguyễn Phúc Hưng	4C1	1,015,385	
7 Ngô Quốc Huy	4C1	1,015,385	
8 Lại Thanh Huyền	4C1	1,015,385	
9 Vũ Lê Khánh	4C1	760,738	Con GV
10 Phạm Ngân Khánh	4C1	1,015,385	
11 Nghiêm Nam Khánh	4C1	1,015,385	
12 Nguyễn Ngọc Khánh Linh	4C1	1,015,385	
13 Nguyễn Thành Long	4C1	1,015,385	
14 Nguyễn Đức Lương	4C1	1,015,385	
15 Nguyễn Hồng Mai	4C1	760,738	Con GV
16 Vũ Nhật Minh	4C1	1,015,385	
17 Nguyễn Ngọc Hà My	4C1	1,015,385	
18 Vũ Trà My	4C1	1,015,385	
19 Nguyễn Minh Ngọc	4C1	1,015,385	
20 Đỗ Thị Tuyết Nhi	4C1	1,015,385	
21 Nguyễn Đan Nhi	4C1	760,738	Con GV
22 Nguyễn Nam Phong	4C1	1,015,385	
23 Nguyễn Đức Phúc	4C1	760,738	Con GV
24 Nguyễn Mạc Minh Phương	4C1	1,015,385	
25 Nguyễn Đức Quang	4C1	1,015,385	
26 Lại Mai Vy	4C1	1,015,385	
27 Nguyễn Trâm Anh	4C2	923,077	
28 Trần Ngọc Anh	4C2	923,077	
29 Trần Duy Anh	4C2	923,077	
30 Nguyễn Minh Anh	4C2	691,585	Con GV
31 Nguyễn Trang Anh	4C2	923,077	
32 Nguyễn Hoàng Bách	4C2	923,077	
33 Đặng Đức Bình	4C2	691,585	Con GV
34 Nguyễn Thùy Chi	4C2	923,077	
35 Nguyễn Thị Thùy Dương	4C2	923,077	
36 Hoàng Anh Duy	4C2	923,077	
37 Trần Lê Khánh Duy	4C2	923,077	
38 Nguyễn Thanh Hà	4C2	923,077	
39 Đào Văn Khải	4C2	923,077	
40 Đỗ Văn Khánh	4C2	923,077	
41 Nguyễn Khánh Linh	4C2	923,077	
42 Nguyễn Hoàng Mi	4C2	923,077	
43 Nguyễn Minh Minh	4C2	923,077	
44 Nguyễn Hải Nam	4C2	923,077	
45 Đỗ Hoàng An Nhiên	4C2	923,077	
46 Bùi Thái Phong	4C2	923,077	
47 Lâm Đức Quang	4C2	923,077	

48	Dương Phú Quang	4C2	691,585	Con GV
49	Chu Hoàng An Tâm	4C2	923,077	
50	Nguyễn Cẩm Tú	4C2	923,077	
51	Lăng Hiền Phương Uyên	4C2	923,077	
52	Trần Nguyễn Quang Vinh	4C2	923,077	
53	Nguyễn Thái Bình	4C2	923,077	
TỔNG CỘNG			49,610,025	

Lưu ý: Số tiền hoàn trả = Số tiết chưa thực hiện x 6.000.000đ/65 tiết



STT	Họ và tên	Nhóm lớp	Số tiền	Ghi chú
1	Nguyễn Khánh An	4D1	1,107,692	
2	Nguyễn Dương Bách	4D1	1,107,692	
3	Phan Quốc Bảo	4D1	1,107,692	
4	Trần Tuấn Dương	4D1	1,107,692	
5	Lê Tuệ Giang	4D1	1,107,692	
6	Cảnh Khánh Hà	4D1	1,107,692	
7	Trần Hoàng Gia Huy	4D1	1,107,692	
8	Lưu Gia Huy	4D1	1,107,692	
9	Nguyễn Minh Huyền	4D1	1,107,692	
10	Nguyễn Hữu Khang	4D1	1,107,692	
11	Trịnh Thế Khang	4D1	1,107,692	
12	Tăng Văn Khanh	4D1	1,107,692	
13	Lưu Gia Khánh	4D1	1,107,692	
14	Phạm Văn Khánh	4D1	1,107,692	
15	Nguyễn Ngọc Khuê	4D1	1,107,692	
16	Nguyễn Đức Long	4D1	1,107,692	
17	Trần Hoàng Tuệ Minh	4D1	1,107,692	
18	Nguyễn Nhật Minh	4D1	1,107,692	
19	Nguyễn Trà My	4D1	1,107,692	
20	Nguyễn Vũ Bảo Nam	4D1	1,107,692	
21	Nguyễn Hồng Nhung	4D1	1,107,692	
22	Đặng An Bảo Phương	4D1	1,107,692	
23	Trần Nguyên Thanh	4D1	1,107,692	
24	Đặng Nguyễn Anh Thư	4D1	1,107,692	
25	Lê Đức Trí	4D1	1,107,692	
26	Nguyễn Thụy Anh	4D2	923,077	
27	Lưu Gia Bảo	4D2	923,077	
28	Đinh Thành Đạt	4D2	923,077	
29	Đỗ Mạnh Duy	4D2	923,077	
30	Nguyễn Tiến Dũng	4D2	923,077	
31	Trịnh Thùy Dương	4D2	923,077	
32	Lương Tuấn Dương	4D2	923,077	
33	Trần Nguyễn Ngân Giang	4D2	923,077	
34	Lê Kim Hà Giang	4D2	923,077	
35	Tạ Xuân Hưng	4D2	923,077	
36	Lê Duy Khoa	4D2	923,077	
37	Hà Tùng Lâm	4D2	923,077	
38	Trần Bảo Linh	4D2	923,077	
39	Tăng Thị Tuệ Minh	4D2	923,077	
40	Hoàng Gia Minh	4D2	923,077	
41	Nguyễn Bảo Nam	4D2	923,077	
42	Nguyễn Phương Nhi	4D2	923,077	
43	Vũ Duy Phong	4D2	923,077	
44	Nguyễn Sinh Phúc	4D2	923,077	
45	Ngô Hà Phương	4D2	923,077	
46	Nguyễn Anh Quân	4D2	923,077	
47	Nguyễn Phương Thảo	4D2	923,077	

LANGUAGE LINK VIỆT NAM TRƯỜNG TIỂU HỌC ÁI MỘ A
DANH SÁCH TRẢ LẠI HỌC PHÍ HỌC KỲ II - LỚP 5C - NĂM HỌC 2020-

STT	Họ và tên	Nhóm lớp	Số tiền	Ghi chú
1	Hoàng Huyền Anh	5AC1	1,107,692	
2	Đinh Minh Anh	5AC1	1,107,692	
3	Trần Thị Huyền Diệu	5AC1	1,107,692	
4	Nguyễn Tiến Dũng	5AC1	1,107,692	
5	Phạm Thu Giang	5AC1	1,107,692	
6	Đỗ Thị Phương Hà	5AC1	1,107,692	
7	Nguyễn Quốc Hùng	5AC1	1,107,692	
8	Bạch Quỳnh Hương	5AC1	1,107,692	
9	Nguyễn Phúc Khang	5AC1	1,107,692	
10	Nguyễn Gia Khôi	5AC1	1,107,692	
11	Phạm Minh Khuê	5AC1	1,107,692	
12	Nguyễn Tùng Lâm	5AC1	1,107,692	
13	Nguyễn Ngọc Hà Linh	5AC1	1,107,692	
14	Phan Nguyễn Bảo Nam	5AC1	1,107,692	
15	Lê Phạm Thy Ngọc	5AC1	1,107,692	
16	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	5AC1	1,107,692	
17	Nguyễn Thanh Phúc	5AC1	1,107,692	
18	Hoàng Anh Quân	5AC1	1,107,692	
19	Nguyễn Diễm Quỳnh	5AC1	1,107,692	
20	Phan Anh Thư	5AC1	1,107,692	
21	Phí Ngọc Bảo Trâm	5AC1	1,107,692	
22	Nguyễn Tuệ Trang	5AC1	1,107,692	
23	Nguyễn Khánh Vân	5AC1	1,107,692	
24	Nguyễn Phương Vy	5AC1	1,107,692	
25	Nguyễn Minh Anh	5AC2	1,015,385	
26	Đỗ Hoàng Gia Bảo	5AC2	1,015,385	
27	Nguyễn Linh Chi	5AC2	1,015,385	
28	Nguyễn Đức Chính	5AC2	1,015,385	
29	Nguyễn Nam Quốc Đạt	5AC2	1,015,385	
30	Lê Tiến Đạt	5AC2	1,015,385	
31	Lê Hoàng Phương Hoài	5AC2	1,015,385	
32	Vũ Tuấn Khang	5AC2	1,015,385	
33	Phạm Gia Khánh	5AC2	1,015,385	
34	Nguyễn Ngọc Bảo Khánh	5AC2	1,015,385	
35	Nguyễn Thùy Lâm	5AC2	1,015,385	
36	Nguyễn Mai Linh	5AC2	1,015,385	
37	Trần Phương Linh	5AC2	1,015,385	
38	Nguyễn Khánh Linh	5AC2	1,015,385	
39	Lê Khánh Linh	5AC2	1,015,385	
40	Mai Đức Minh	5AC2	1,015,385	
41	Nguyễn Thanh Ngân	5AC2	1,015,385	
42	Đào Hồng Phúc	5AC2	1,015,385	
43	Nguyễn Nhật Quyên	5AC2	1,015,385	
44	Nguyễn Thái Thịnh	5AC2	1,015,385	
45	Nguyễn Đức Tuấn	5AC2	1,015,385	
46	Quách Thanh Tùng	5AC2	1,015,385	
47	Hoàng Đăng Minh Vũ	5AC2	1,015,385	
TỔNG CỘNG			49,938,463	

Lưu ý: Số tiền hoàn trả = Số tiết chưa thực hiện x 6.000.000đ/65 tiết



LANGUAGE LINK VIỆT NAM

TRƯỜNG TIỂU HỌC ÁI MỘ A

DANH SÁCH TRẢ LẠI HỌC PHÍ HỌC KỲ II - LỚP 5A - NĂM HỌC

STT	Họ và tên	Nhóm lớp	Số tiền	Ghi chú
1	Đặng Chúc An	5AC1	1,107,692	
2	Vũ Hoàng Linh	5AC1	1,107,692	
3	Khổng Thanh Phong	5AC1	1,107,692	
4	Trần Nguyên Minh	5AC1	1,107,692	
5	Bùi Triều Dương	5AC1	1,107,692	
6	Vũ Quỳnh Anh	5AC2	1,015,385	
7	Vũ Quang Anh	5AC2	1,015,385	
8	Nguyễn Nga Linh	5AC2	1,015,385	
9	Bùi Minh Tiệp	5AC2	1,015,385	
10	Nguyễn Minh Thư	5AC2	1,015,385	
TỔNG CỘNG			10,615,385	

Lưu ý: Số tiền hoàn trả = Số tiết chưa thực hiện x 6.000.000đ/65 tiết



SST	Họ và tên	Nhóm lớp	Số tiền	Ghi chú
1	Lê Minh Khoa An	5D1	1,107,692	
2	Đặng Nguyễn Hà An	5D1	1,107,692	
3	Hoàng Trúc An	5D1	1,107,692	
4	Trần Linh Bằng	5D1	1,107,692	
5	Ngô Minh Bảo	5D1	1,107,692	
6	Lê Minh Châu	5D1	1,107,692	
7	Trần Quốc Đạt	5D1	1,107,692	
8	Hoàng Ngọc Diệp	5D1	1,107,692	
9	Nguyễn Minh Đức	5D1	1,107,692	
10	Mai Gia Hân	5D1	1,107,692	
11	Nguyễn Vi Hoa	5D1	1,107,692	
12	Vũ Nam Khánh	5D1	1,107,692	
13	Nguyễn Bảo Minh B	5D1	1,107,692	
14	Hà Bảo Ngọc	5D1	1,107,692	
15	Nguyễn Thảo Nguyên	5D1	1,107,692	
16	Ngô Hoàng Thùy Nhi	5D1	1,107,692	
17	Lê Ý Nhi	5D1	1,107,692	
18	Đặng Ngọc Nhi	5D1	1,107,692	
19	Đặng Thu Phương	5D1	1,107,692	
20	Nguyễn Thanh Thân	5D1	1,107,692	
21	Nguyễn Ngọc Anh Thư	5D1	1,107,692	
22	Phạm Phương Thủy	5D1	1,107,692	
23	Đỗ Tường Vy	5D1	1,107,692	
24	Vũ Phúc Thiên An	5D2	1,015,385	
25	Nguyễn Hoài Anh	5D2	1,015,385	
26	Trần Minh Châu	5D2	1,015,385	
27	Nguyễn Ngọc Linh Đan	5D2	1,015,385	
28	Nguyễn Vũ Hương Giang	5D2	1,015,385	
29	Nguyễn Đông Hải	5D2	1,015,385	
30	Ngô Tuấn Hưng	5D2	1,015,385	
31	Đinh Trần Thăng Long	5D2	1,015,385	
32	Mai Huy Mạnh	5D2	1,015,385	
33	Nguyễn Đức Mạnh	5D2	1,015,385	
34	Lê Tiến Mạnh	5D2	1,015,385	
35	Bùi Đức Nhật Minh	5D2	1,015,385	
36	Nguyễn Anh Minh	5D2	1,015,385	
37	Nguyễn Bảo Minh A	5D2	1,015,385	
38	Diệp Hoàng Nam	5D2	1,015,385	
39	Nguyễn Khánh Ngọc	5D2	1,015,385	
40	Nguyễn Tú Quyên	5D2	1,015,385	
41	Đầu Thái Sơn	5D2	1,015,385	
42	Bùi Anh Tài	5D2	1,015,385	
43	Bùi Đăng Tùng	5D2	1,015,385	
44	Nguyễn Kim Bảo Vy	5D2	1,015,385	
TỔNG CỘNG			46,800,000	

Lưu ý: Số tiền hoàn trả = Số tiết chưa thực hiện x 6.000.000đ/65 tiết